



DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

2. TỈNH HÀ TĨNH

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng	45		8	42	0
1	Xã Sơn Kim 1		6	1	6	0
		1	Thôn Trung		x	
		2	Thôn Khe Sú		x	
		3	Thôn Kim Cương 2		x	
		4	Thôn Kim Cương 1		x	
		5	Thôn Hà Trai	x	x	
		6	Thôn Vững Tròn		x	
2	Xã Sơn Tây		7	0	7	0
		1	Thôn Hà Tân		x	
		2	Thôn Hoàng Nam		x	
		3	Thôn Kim Thành		x	
		4	Thôn Hà Chua		x	
		5	Thôn Trung Tâm		x	
		6	Thôn Tây Sơn		x	
		7	Thôn Phổ Tây		x	
3	Xã Sơn Kim 2		5	1	5	0
		1	Thôn Quyết Thắng		x	
		2	Thôn Hạ Vàng		x	
		3	Thôn Chế Biền		x	
		4	Thôn Làng Chè	x	x	
		5	Thôn Tiên Phong		x	
4	Xã Vũ Quang		9	1	9	0
		1	Thôn Hương Điền		x	
		2	Thôn Bình Yên		x	
		3	Thôn Sơn Thọ		x	
		4	Thôn Tân Sơn		x	
		5	Thôn Hương Đại		x	
		6	Thôn Hòa Bình		x	
		7	Thôn Hương Minh		x	
		8	Thôn Hương Thọ		x	
		9	Thôn Hương Quang	x	x	
5	Xã Sơn Hồng		5	0	5	0
		1	Thôn Tây Hồng		x	
		2	Thôn Trung Hồng		x	
		3	Thôn Hồng Lĩnh		x	
		4	Thôn Đồng Hồng		x	
		5	Thôn Trung Lĩnh		x	
6	Xã Phúc Trạch		5	3	3	0
		1	Thôn La Khê	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Thôn Hương Trạch	x		
		3	Thôn Nam Hương		x	
		4	Thôn Hương Liên		x	
		5	Bản Rào tre (Hương Liên)	x	x	
7	Xã Hương Khê		1	1	0	0
		1	Thôn Phú Lâm	x		
8	Xã Hương Xuân		7	1	7	0
		1	Thôn Trường Sơn		x	
		2	Thôn Hương Vĩnh		x	
		3	Thôn Bản Giàng II	x	x	
		4	Thôn Trường Giang		x	
		5	Thôn Hương Lâm		x	
		6	Thôn Thuận Hòa		x	
		7	Thôn Chúc A		x	